

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/HNGĐ – TLST ngày 05/9/2019 về “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXX - ST ngày 05/9/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông **Nguyễn Trọng Q** – Luật sư, Văn phòng luật sư A.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Gi**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Gi tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/02/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng gia đình chồng, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2011 chị và con gái về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Khoảng đầu năm 2016 anh Gi đi nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm đến nhau, nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Gi.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Minh P, sinh ngày 18/8/2006, hiện cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị H đi nước ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị đã gửi bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và thủ tục mời luật sư Nguyễn Trọng Q – Văn phòng luật sư A – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn Gi gửi từ nước ngoài về có nội dung: Anh và chị H tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L ngày 08/02/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2011 chị H và con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Đầu năm 2016 anh đi nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Thị Minh P, sinh ngày 18/8/2006. Hiện con đang ở với chị H, thời gian anh và chị H đi nước ngoài thì cháu ở với ông bà ngoại, khi ly hôn anh tôn trọng ý kiến của cháu P.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định tài liệu do chị H, anh Gi gửi từ nước ngoài về gồm: Bản tự khai, đơn trình bày, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, để xác định chữ ký trong các tài liệu này có phải là của chị H, anh Gi không. Tại Kết luận giám định số 39/KLGD ngày 05/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký đứng tên Phạm Văn Gi và Nguyễn Thị H trên các tài liệu cần giám định với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn B là bố đẻ chị H, ông B xác định: Chị H hiện lao động tại Israel, cháu Phạm Thị Minh P đang sống cùng vợ chồng ông, trong thời gian chị H không ở Việt Nam ủy quyền cho ông chăm sóc nuôi dưỡng cháu P, quan điểm của ông đồng ý.

Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên chị H và anh Gi đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H anh Gi đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh Gi; Về con chung: giao cháu Phạm Thị Minh P cho chị H nuôi dưỡng, trong thời gian chị H không ở Việt Nam giao cháu P cho ông ngoại là Nguyễn Văn B chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo công văn trả lời Cục xuất nhập cảnh số 6099/QLXNC-P5 ngày 12/4/2019 và công văn số 9275/QLXNC-P5 ngày 10/6/2019 thể hiện chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Gi xuất nhập cảnh nhiều lần qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết chị H, anh Gi có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị H, anh Gi.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2005 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2011 chị H đưa con về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Sau đó lần lượt anh Gi, chị H đi nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn, anh Gi nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Gi có 01 con chung là Phạm Thị Minh P, sinh ngày 18/8/2006. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, anh Gi tôn trọng ý của con, nếu cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ anh cũng đồng ý. Xét thực tế, hiện nay anh Gi chị H đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam, cháu P đang sinh sống cùng

ông bà ngoại và có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông Nguyễn Văn B có quan điểm đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P trong thời gian chị H không ở Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu P cần tiếp tục giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng, trong thời gian chị H không ở Việt Nam thì giao cháu P cho ông Nguyễn Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn Gi.

-Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Minh P, sinh ngày 18/8/2006 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do chị Phạm Thị T nộp thay theo biên lai thu số AA/2017/0006063 ngày 21/02/2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Gi được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường

